SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ**

Số: 1541 /BC-TTKSBT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2023*

ĐẾN Số: 886
Ngày: 28.4.23
Chuyển:
Hồ Sơ:

Kg: Lãnh đạo, CV
Liên thông cáo thường
28/4/2023

# BÁO CÁO
## Công tác giám sát hoạt động Y tế trường học năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 177/KH-TTKSBT ngày 16/01/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố về việc giám sát hoạt động y tế trường học năm 2023,

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố báo cáo kết quả giám sát hoạt động y tế trường học năm 2023, như sau:

Lê Thanh Hải

### I. Thông tin chung

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố đã tiến hành giám sát hoạt động y tế trường học (YTTH) năm 2023 tại 35 trường từ ngày 01/02/2023 đến ngày 14/3/2023 (danh sách đính kèm).

### II. Kết quả giám sát

Nội dung giám sát theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016; Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 15/4/2022; Kế hoạch số 2055/KH-UBND ngày 22/6/2022 và Công văn liên tịch số 8898/LT-GDĐT-YT ngày 09/9/2016.

#### 1. Công tác tổ chức và kế hoạch YTTH

– 35/35 (100%) trường có Quyết định thành lập Ban chăm sóc sức khỏe học sinh, phân công trách nhiệm các thành viên; có Kế hoạch về hoạt động YTTH.

– 31/35 (88,57%) trường có có xây dựng cơ chế phối hợp về công tác YTTH giữa trường học và trạm y tế.

#### 2. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất

– 30/35 (85,71%) trường sử dụng bàn ghế không quá 2 chỗ ngồi, bàn và ghế rời nhau, các góc cạnh nhẵn và an toàn.

– 12/35 (34,28%) trường có đủ cỡ bàn ghế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/BGD&ĐT-BKHCN-BYT.

– 18/35 (51,42%) trường có phòng học đạt yêu cầu về chiếu sáng (độ rọi không dưới 300 Lux).

– 30/35 (85,71%) trường có phòng học có nồng độ $CO_2$ đạt yêu cầu (≤ 0,1%).

– 13/35 (37,14%) trường có phòng học có tiếng ồn đạt yêu cầu (≤ 50dBA).

#### 3. Bảo đảm các điều kiện về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường

– 34/35 (97,14%) trường cung cấp nước uống cho học sinh và nước sạch cho hoạt động sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định.

– 32/35 (91,42%) trường có phân chia nhà vệ sinh nam, nữ cho học sinh, có nhà vệ sinh cho giáo viên riêng.

– 35/35 (100%) trường có trang bị xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn và nước sạch cho mỗi khu vệ sinh nhà tiêu, nhà tiểu, khu rửa tay.

– 30/35 (85,71%) trường có bảng nội quy nhà vệ sinh.

– 34/35 (97,14%) trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không có nước ứ đọng xung quanh trường lớp.

– 32/35 (91,42%) trường có thùng chứa rác và phân loại rác thải.

– 35/35 (100%) trường có hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom chất thải, rác thải sinh hoạt.

**4. Tổ chức bữa ăn học đường, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý**

– 33/35 (94,28%) trường có tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn cho học sinh thông qua các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khoá.

– 31/35 (88,57%) trường tổ chức bữa ăn học đường.

– 26/35 (74,28%) trường có xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu theo khuyến nghị của Bộ Y tế về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm.

**5. Bảo đảm các điều kiện về chăm sóc sức khỏe cho học sinh**

– 33/35 (94,28%) trường có phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu.

– 22/35 (62,85%) trường có trang thiết bị, thuốc thiết yếu theo Công văn số 8553/SYT-NVY.

– 35/35 (100%) trường có sổ khám bệnh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh theo quy định.

**6. Quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ học sinh**

– 35/35 (100%) trường tổ chức kiểm tra sức khỏe học sinh đầu năm học theo quy định.

– Đối với trường phổ thông: 32/32 (100%) trường theo dõi chỉ số BMI và tình trạng dinh dưỡng của học sinh để tư vấn về dinh dưỡng hợp lý và hoạt động thể lực cho học sinh.

– Đối với trường mầm non: 3/3 (100%) trường đo chiều cao, cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng, theo dõi sự phát triển thể lực cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi 1 lần/tháng, trẻ em trên 24 tháng tuổi 1 lần/quý.

– 29/35 (82,85%) trường thực hiện việc đánh giá để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ về bệnh lây nhiễm, sức khỏe tâm thần cho học sinh.

**7. Công tác phòng, chống bệnh truyền nhiễm**

– 34/35 (97,14%) trường xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh tại đơn vị.

– 32/35 (91,42%) trường có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng nhân sự phụ trách phòng chống dịch tại đơn vị.

– 27/35 (77,14%) trường tổ chức tập huấn, triển khai các biện pháp phòng, chống dịch cho giáo viên, nhân viên nhà trường.

– 35/35 (100%) trường không có ổ dịch.

– 33/35 (94,28%) trường có đa dạng kênh truyền thông phòng, chống dịch cho phụ huynh, học sinh.

**8. Công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe học đường trong trường học**

– 35/35 (100%) trường sử dụng các tài liệu truyền thông giáo dục sức khoẻ phù hợp với từng nhóm đối tượng từ các nguồn chính thống.

– Đối với trường phổ thông: 32/32 (100%) trường có thực hiện hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe trong nhà trường với các hình thức như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, bảng tin, chiếu video…

– Đối với trường mầm non: 3/3 (100%) trường mầm non có truyền thông đến phụ huynh học sinh về dinh dưỡng và vận động hợp lý, phòng chống bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng thông qua thư điện tử, nhóm zalo của lớp.

**9. Ứng dụng công nghệ thông tin vào chăm sóc, bảo vệ, quản lý sức khỏe học sinh**

– 33/35 (94,28%) trường có ứng dụng, triển khai hiệu quả phần mềm quản lý như phần mềm Cơ sở dữ liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo; phần mềm Excel để theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe học sinh.

– 33/35 (94,28%) trường có tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên YTTH các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe học sinh trong trường học.

– 27/35 (77,14%) trường có triển khai các phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng.

– 21/35 (60,0%) trường có phần mềm xây dựng thực đơn cho học sinh (đối với trường có tổ chức bữa ăn học đường).

**10. Thống kê báo cáo**

– 35/35 (100%) trường có báo cáo công tác YTTH khi kết thúc năm học theo quy định.

– 35/35 (100%) trường tự tổ chức đánh giá công tác YTTH theo quy định.

**III. Nhận xét**

**1. Công tác tổ chức và kế hoạch YTTH**

– Kết quả giám sát cho thấy các trường đều có Quyết định thành lập Ban chăm sóc sức khỏe học sinh, phân công trách nhiệm các thành viên; Kế hoạch về hoạt động YTTH. Tuy nhiên vẫn còn 4/35 (11,42%) trường chưa xây dựng cơ chế phối hợp về công tác YTTH với trạm y tế (Trường THCS Trần Văn Ơn, Trường TH Bàu Sen, Trường THPT An Dương Vương, Trường MN Lá Phong Việt).

**2. Bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất**

– 17/35 (48,57%) trường có phòng học chưa đảm bảo điều kiện về chiếu sáng (Trường THCS Phong Phú, Trường THCS Đặng Trần Côn, Trường TH Mê Linh, Trường TH Trần Quốc Thảo, Trường TH Đề Thám, Trường THCS Nguyễn Bỉnh

Khiêm, Trường TH Lâm Văn Bền, Trường THPT Thủ Đức, Trường MN Mai Anh, Trường THCS Phạm Đình Hổ, Trường THPT Phạm Phú Thứ, Trường TH Bình Hưng Hoà 1, Trường TH Bàu Sen, Trường THCS Ba Đình, Trường MN Lá Phong Việt, Trường THCS Trần Phú, Trường THCS, THPT Duy Tân, Trường THPT Nguyễn Du).

– Đa số phòng học của các trường sử dụng bàn ghế 1 cỡ. Tuy nhiên, vẫn còn 5/35 (14,28%) trường sử dụng bàn liền ghế, sử dụng bàn ghế chưa phù hợp với chiều cao học sinh (Trường TH Tân Hương, Trường TH Trần Quốc Thảo, Trường THPT Thủ Đức, Trường THCS, THPT Duy Tân, Trường THPT Nguyễn Du).

– 6/35 (17,14%) trường có sử dụng máy lạnh trong phòng học và nồng độ $CO_2$ đo được cao hơn mức tiêu chuẩn (Trường TH Tân Hương, Trường THCS Trần Văn Ơn, Trường THCS Phạm Đình Hổ, Trường THPT Phạm Phú Thứ, Trường THPT Thủ Khoa Huân.

**3. Bảo đảm các điều kiện về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường**

– Phần lớn các trường có hợp đồng với công ty cung cấp nước uống cho học sinh; sử dụng nguồn nước của thành phố cho hoạt động sinh hoạt của nhà trường. Có xét nghiệm nước qua bồn chứa định kỳ 1 lần/ năm và đúng theo quy định của Thông tư 41/2018/TT-BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

– Trường có phân chia nhà vệ sinh nam, nữ cho học sinh, có khu vực nhà vệ sinh riêng cho giáo viên. Tuy nhiên, vẫn còn 3/35 (8,57%) trường sử dụng nhà vệ sinh chung cho học sinh và giáo viên (Trường PTTH Duy Tân, Trường TH Lương Thế Vinh, Trường PTTH Thủ Khoa Huân). Các trường đảm bảo mỗi khu vệ sinh nhà tiêu, nhà tiểu, khu rửa tay có nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn. Tuy nhiên còn 5/35 (14,28%) trường chưa gắn bảng nội quy nhà vệ sinh (Trường THCS Phong Phú, Trường TH Tân Hương, Trường THCS Trần Phú, Trường THCS, THPT Duy Tân, Trường THPT Nguyễn Du).

– Tất cả trường học đều có trang bị thùng chứa rác, tuy nhiên vẫn còn tình trạng thùng chứa rác không có nắp đậy và chưa thực hiện phân loại rác theo đúng quy định. Các trường học có hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt.

**4. Tổ chức bữa ăn học đường, đảo bảo dinh dưỡng hợp lí**

– Phần lớn các trường có tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng hợp lý, thực phẩm lành mạnh, an toàn cho học sinh thông qua các giờ học chính khóa, hoạt động ngoại khoá.

– Về tổ chức bữa ăn học đường, một số trường có xây dựng và áp dụng thực đơn để cung cấp suất ăn cho học sinh. Bên cạnh đó, một số trường có sử dụng thêm thực đơn do công ty cung cấp suất ăn cung cấp.

**5. Đảm bảo các điều kiện chăm sóc sức khoẻ học sinh**

– 2/35 (5,71%) trường có phòng y tế được bố trí tại khu vực chưa thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu (Trường TH Trần Quốc Thảo, Trường THPT Thủ Đức)

– Đa số phòng y tế của các trường chưa có trang thiết bị, thuốc thiết yếu theo công văn số 8553/SYT-NVY.

– Các trường đều có sổ khám bệnh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh theo quy định

**6. Quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ học sinh**

– Tất cả trường học đã tổ chức kiểm tra sức khỏe học sinh vào đầu năm học theo quy định, học sinh các cấp từ khối mầm non đến khối trung học đều được theo dõi tình trạng dinh dưỡng.

– Đối với các yếu tố nguy cơ về bệnh lây nhiễm, trường học thực hiện sổ theo dõi phát hiện sớm, tuy nhiên về sức khỏe tâm thần cho học sinh đa số các trường chưa thật sự quan tâm.

**7. Phòng, chống bệnh truyền nhiễm**

– 6/35 (17,14%) trường chưa thực hiện việc đánh giá để phát hiện sớm các yếu tố nguy cơ về bệnh lây nhiễm, sức khỏe tâm thần cho học sinh (Trường THPT Phong Phú, Trường THCS Đặng Trần Côn, TT. GDTX Lê Quý Đôn, Trường MN Mai Anh, Trường TH Bình Hưng Hoà 1, Trường TH Trần Văn Ơn) .

– 1/35 (2,85%) trường chưa xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh tại đơn vị (Trường TH Tân Thạnh Đông 2).

– 3/35 (8,57%) trường chưa có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng nhân sự phụ trách phòng, chống dịch tại đơn vị (Trường TH Bình Hưng Hoà 1, Trường TH Thới Thạnh, Trường TH Tân Thạnh Đông 2).

– 8/35 (22,85%) trường chưa thực hiện tập huấn, hướng dẫn triển khai cho đối tượng giáo viên, nhân viên nhà trường các nhiệm vụ được phân công hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh tại đơn vị (Trường THPT Thủ Khoa Huân, Trường TH Bình Hưng Hoà 1, Trường TH Bàu Sen, Trường THCS Trần Phú, Trường THCS THPT Duy Tân, Trường THPT Nguyễn Du, Trường TH Tân Thạnh Đông, Trường TH Tân Thạnh Đông 2).

**8. Công tác truyền thông, giáo dục sức khoẻ học đường trong trường học**

– Các trường có duy trì các hoạt động truyền thông giáo dục sức khoẻ cho phụ huynh và học sinh, tuy nhiên chưa đa dạng về hình thức truyền thông.

– Đa số các trường học sử dụng tài liệu truyền thông chính thống, tuy nhiên tài liệu truyền thông đã cũ.

**9. Ứng dụng công nghệ thông tin vào chăm sóc, bảo vệ, quản lý sức khoẻ học sinh**

– Phần lớn các trường có sử dụng phần mềm Excel, phần mềm Cơ sở dữ liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp để quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe học sinh.

– Một số trường có tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên YTTH sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý, theo dõi và thống kê, đánh giá về sức khỏe học sinh trong trường học.

– Phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng được sử dụng đa dạng tại các trường học như phần mềm Cơ sở dữ liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo cung cấp; phần mềm Excel, phần mềm do Công ty Nutifood cung cấp…

**10. Thống kê báo cáo**

– Tất cả trường thực hiện tự đánh giá và báo cáo công tác y tế trường học đầy đủ theo quy định.

**IV. Kiến nghị**

Qua kết quả giám sát hoạt YTTH năm 2023 tại 35 trường trên địa bàn thành phố, nhằm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm được tốt hơn để cải thiện sức khoẻ cho học sinh trong học tập, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố kiến nghị một số nội dung như sau:

**1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

– Chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện và thành phố Thủ Đức có các kế hoạch như sửa chữa và nâng cấp cho các trường để đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất; đảm bảo dinh dưỡng phù hợp lứa tuổi học sinh (đặc biệt là chế độ ăn cho học sinh thừa cân béo phì); đảm bảo công tác phòng, chống dịch tại các trường học từ mầm non đến phổ thông trung học.

– Thống nhất phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng tại các trường học.

**2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện và thành phố Thủ Đức**

– Chỉ đạo các trường tại địa phương thực hiện những nội dung còn thiếu trong công tác y tế trường học như xây dựng cơ chế phối hợp về công tác YTTH với trạm y tế; tăng cường ánh sáng trong các phòng học bị thiếu ánh sáng và che chắn ánh sáng tự nhiên; trang bị và mở quạt hút khi sử dụng máy lạnh trong các phòng học; định kỳ kiểm tra bảo dưỡng máy lạnh và quạt hút, sử dụng bàn ghế phù hợp với chiều cao của học sinh; rà soát và bổ sung bảng nội quy nhà vệ sinh đối với các nhà vệ sinh còn thiếu; trang bị thùng chứa rác có nắp đậy và hướng dẫn học sinh phân loại rác đúng theo quy định; cần trang bị thuốc thiết yếu đầy đủ theo Công văn số 8553/SYT-NVY của Sở Y tế, về việc ban hành tạm thời danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng các cơ sở giáo dục

– Có kế hoạch thay thế bàn ghế cho học sinh phù hợp theo Thông tư liên tịch số 26/2011/BGD&ĐT-BKHCN-BYT.

– Hướng dẫn các trường có tổ chức ăn bán trú cho học sinh cần xây dựng thực đơn đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi và đa dạng thực phẩm theo khuyến nghị của Bộ Y tế. Các trường từ mầm non đến trung học phổ thông có thể tham khảo áp dụng bộ thực đơn do Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố (Trung tâm Dinh dưỡng trước đây) xây dựng và đã cấp cho các trường thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM hoặc có thể sử dụng bộ thực đơn do Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành.

– Hướng dẫn các trường lập sổ theo dõi để đánh giá và phát hiện sớm các nguy cơ về sức khỏe tâm thần cho học sinh.

– Cần tăng cường phối hợp, chủ động liên hệ với Trung tâm y tế tại địa phương để được hỗ trợ triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh khi cần thiết.

– Tổ chức triển khai tập huấn cho toàn thể giáo viên, nhân viên của trường về các nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh.

**3. Đối với Trung tâm y tế quận, huyện và thành phố Thủ Đức**

– Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo

+ Rà soát, thống nhất các sổ theo dõi, quản lý sổ sức khoẻ học sinh; sổ điểm danh, sổ theo dõi bệnh của học sinh, mẫu báo cáo tháng.

+ Tăng cường tập huấn, hướng dẫn chuyên môn về triển khai các hoạt động phòng, chống dịch tại trường.

+ Cần đặc biệt quan tâm, hỗ trợ nhân viên y tế trường học mới nhận công tác, nhân viên y tế kiêm nhiệm.

– Hướng dẫn trường thực hiện lại bảng tin truyền thông giáo dục sức khoẻ theo hướng dẫn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố./.

***Nơi nhận:***
- Sở Y tế;
- Sở Giáo dục và Đào tạo ;
- Phòng NVY - Sở Y tế;
- Phòng GD và ĐT Q,H và TP. Thủ Đức;
- TTYT Q,H và TP. Thủ Đức;
- BGĐ TTKSBT TP;
- Lưu: VT, K.SKMT-YTTH, K.DD. (PLTYO- 4b)

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ

**Lê Hồng Nga**

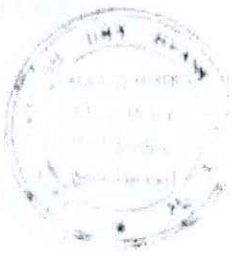

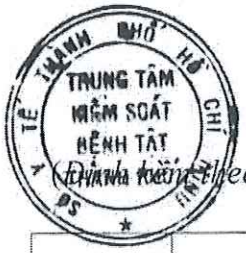


**Danh sách trường học được giám sát**

*(Đính kèm theo Báo cáo số 171/BC-TTKSBT, ngày 26 tháng 4 năm 2023)*

| STT | Tên trường | Ngày giám sát |
|---|---|---|
| 1 | Trường THCS Phong Phú | 1/2/2023 |
| 2 | Trường THPT Phong Phú | 1/2/2023 |
| 3 | Trường TH Tân Hương | 2/2/2023 |
| 4 | Trường THCS Đặng Trần Côn | 2/2/2023 |
| 5 | Trường THCS Trần Văn Ơn | 6/2/2023 |
| 6 | TT. GDTX Lê Quý Đôn | 6/2/2023 |
| 7 | Trường TH Mê Linh | 7/2/2023 |
| 8 | Trường TH Trần Quốc Thảo | 7/2/2023 |
| 9 | Trường TH Đề Thám | 8/2/2023 |
| 10 | Trường TH Âu Cơ | 8/2/2023 |
| 11 | Trường TH Cao Bá Quát | 9/2/2023 |
| 12 | Trường THCS Độc Lập | 9/2/2023 |
| 13 | Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm | 13/2/2023 |
| 14 | Trường TH Lâm Văn Bền | 13/2/2023 |
| 15 | Trường THPT Thủ Đức | 14/2/2023 |
| 16 | Trường MN Mai Anh | 14/2/2023 |
| 17 | Trường THCS Phạm Đình Hổ | 15/2/2023 |
| 18 | Trường THPT Phạm Phú Thứ | 15/2/2023 |
| 19 | Trường MN Việt Úc | 16/2/2023 |
| 20 | Trường TH, THCS, THPT Việt Úc | 16/2/2023 |
| 21 | Trường TH Lương Thế Vinh | 21/2/2023 |
| 22 | Trường THPT Thủ Khoa Huân | 21/2/2023 |
| 23 | Trường TH Bình Hưng Hoà 1 | 23/2/2023 |
| 24 | Trường TH Trần Văn Ơn | 23/2/2023 |
| 25 | Trường THPT Cần Thạnh | 24/2/2023 |
| 26 | Trường TH Bàu Sen | 28/2/2023 |
| 27 | Trường THCS Ba Đình | 28/2/2023 |

| STT | Tên trường | Ngày giám sát |
|---|---|---|
| 28 | Trường THPT An Dương Vương | 2/3/2023 |
| 29 | Trường MN Lá Phong Việt | 2/3/2023 |
| 30 | Trường THCS Trần Phú | 7/3/2023 |
| 31 | Trường THCS, THPT Duy Tân | 7/3/2023 |
| 32 | Trường THPT Nguyễn Du | 7/3/2023 |
| 33 | Trường TH Thới Thạnh | 10/3/2023 |
| 34 | Trường TH Tân Thạnh Đông | 14/3/2023 |
| 35 | Trường TH Tân Thạnh Đông 2 | 14/3/2023 |